

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 28/2025/DS-ST

Ngày: 16-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay

tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Tâm
- Ông Nguyễn Đức Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-DS ngày 21/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-DS ngày 08/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thân Thị T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 1 đường B, tổ S, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981 và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970; Cùng nơi cư trú: Số H đường Đ, tổ S, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Chu Trọng C, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số 1 đường B, tổ S, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Bà T, ông C, bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thân Thị T trình bày:

Bà Thân Thị T và bà Hoàng Thị H có quan hệ quen biết. Ngày 21/12/2017, bà Thân Thị T có cho bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Văn S mượn số tiền

110.000.000 đồng để làm ăn buôn bán. Nội dung trong giấy ghi hẹn 03 tháng sẽ hoàn trả tiền (từ ngày 21/12/2017 đến 21/3/2018), trong giấy không ghi lãi suất. Giấy do bà H viết, vợ chồng bà H, ông S cùng ký tên vào giấy. Tuy nhiên, sau khi hết 03 tháng kể từ ngày mượn thì bà H, ông S không trả được khoản tiền gốc nào cho bà Thân Thị T.

Ngày 31/8/2021, thời điểm sau dịch bệnh covid, bà H có mượn bà Thân Thị T số tiền 6.000.000 đồng, 01 phần dùng để mua thịt heo của bà Thân Thị T bán lại và 01 phần dùng để chữa bệnh cho ông S, hẹn 01 ngày sau sẽ trả. Vì thấy bà H khó khăn và chồng bị bệnh nên bà Thân Thị T đồng ý cho mượn nhưng yêu cầu bà H viết giấy cho bà Thân Thị T và ký tên vào giấy. Tuy nhiên, cho đến nay, bà H vẫn không trả được.

Số tiền bà Thân Thị T cho bà H, ông S mượn là tiền cá nhân của bà Thân Thị T, không phải là tài sản chung của vợ chồng bà Thân Thị T.

Nay, bà Thân Thị T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm thanh toán cho bà Thân Thị T số tiền 187.180.000 đồng gồm:

- + Tiền nợ gốc 116.000.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng).
- + Tiền lãi trên nợ gốc 110.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 22/3/2018 đến ngày 14/8/2024 (76 tháng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 69.388.000 đồng.
- + Tiền lãi trên nợ gốc 6.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 04/8/2021 đến ngày 14/8/2024 (36 tháng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 1.792.000 đồng.

Ngoài ra còn phải chịu tiền lãi chậm trả trên tiền gốc, theo mức lãi 0,83%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

* Tại bảng lãi bà Thân Thị T nộp cho Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, bà trình bày: Tổng số tiền bà T yêu cầu bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm thanh toán cho bà là số tiền 193.462.000 đồng, gồm:

- + Tiền nợ gốc 02 lần là 116.000.000 đồng.
- + Tiền lãi trên nợ gốc 110.000.000 đồng, tính từ ngày 22/3/2018 đến ngày 16/4/2025 là 84 tháng 25 ngày theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 77.462.000 đồng.

Không yêu cầu tiền lãi trên số tiền 6.000.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày: Bà Hoàng Thị H và bà Thân Thị T có mối quan hệ quen biết. Từ năm 2015, bà Hoàng Thị H có nhiều lần mượn tiền bà T để làm ăn buôn bán lo cho kinh tế gia đình. Theo bà Hoàng Thị H, bà đã nhiều lần trả gốc và lãi cho bà T. Tuy nhiên, tại thời điểm ngày 21/12/2017, bà Hoàng Thị H vẫn còn nợ lại 01 khoản tiền gốc 80.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền lãi chưa trả được, khi đó, bà T đến nhà bà Hoàng Thị H, bà T ghi tờ giấy trong đó nội dung là vợ chồng bà Hoàng Thị H mượn ông C, bà T số tiền 110.000.000 đồng, mượn trong vòng 03 tháng từ ngày 21/12/2017 đến ngày 21/3/2018 sẽ hoàn trả, giấy không ghi lãi suất. Bà Hoàng Thị H và chồng là ông Nguyễn Văn S có ký tên vào

giấy mượn tiền này. Số tiền nợ này bà Hoàng Thị H đã trả hết toàn bộ cho bà T, ông C sau 03 tháng nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh bà Hoàng Thị H đã trả tiền.

Ngày 31/8/2021, bà Hoàng Thị H có ghi giấy mượn bà T số tiền 6.000.000 đồng để mua thịt bán lại kiếm tiền lo cho gia đình, trong giấy bà Hoàng Thị H có hẹn ngày hôm sau sẽ trả, có chữ ký của bà Hoàng Thị H. Số tiền này bà Hoàng Thị H đã trả đầy đủ cho bà T, tuy nhiên không có ghi giấy tờ gì để chứng minh bà Hoàng Thị H đã trả tiền.

Nay, bà T khởi kiện tại Tòa án buộc vợ chồng bà Hoàng Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Thân Thị T và ông Chu Trọng C số tiền 187.180.000 đồng gồm:

- + Tiền nợ gốc 116.000.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng).
- + Tiền lãi trên nợ gốc 110.000.000 đồng, tính từ ngày 22/3/2018 đến ngày 14/8/2024 (76 tháng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 69.388.000 đồng.
- + Tiền lãi trên nợ gốc 6.000.000 đồng, tính từ ngày 04/8/2021 đến ngày 14/8/2024 (36 tháng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 1.792.000 đồng.

Ngoài ra còn phải chịu tiền lãi chậm trả trên tiền gốc, theo mức lãi 0,83%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Thì bà Hoàng Thị H có ý kiến như sau: Bà Hoàng Thị H đã trả hết tiền cho bà T, ông C nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn S trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Ngày 21/3/2025, bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Văn S có đơn xin miễn đóng tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Trọng C trình bày:

Ông Chu Trọng C và bà Thân Thị T là vợ chồng. Ông C nghe bà T nói, ngày 21/12/2017, bà T cho bà H, ông S mượn số tiền 110.000.000 đồng để làm ăn buôn bán. Nội dung trong giấy ghi hẹn 03 tháng sẽ hoàn trả tiền (từ ngày 21/12/2017 đến 21/3/2018), trong giấy không ghi lãi suất. Giấy do bà H viết, vợ chồng bà H, ông S cùng ký tên vào giấy. Ngày 31/8/2021, thời điểm sau dịch bệnh covid, bà H có mượn bà T 6.000.000 đồng. Thời điểm bà T cho bà H, ông S vay mượn tiền, ông Chu Trọng C không biết.

Số tiền bà T cho bà H, ông S mượn là tiền cá nhân của bà T, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông Chu Trọng C.

Nay, bà T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm thanh toán số tiền 187.180.000 đồng, gồm: Tiền nợ gốc 116.000.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng), tiền lãi trên số nợ gốc 110.000.000 đồng tạm tính từ ngày 22/3/2018 đến ngày 14/8/2024 (76 tháng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 69.388.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc 6.000.000 đồng,

tạm tính từ ngày 04/8/2021 đến ngày 14/8/2024 (36 tháng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 1.792.000 đồng, thì ông Chu Trọng C không có ý kiến gì, vì đây là tài sản riêng của bà T nên không liên quan gì đến ông Chu Trọng C.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn bà Thân Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Trọng C chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Hoàng Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 08/4/2025 và ngày 16/4/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, bà T, bà H đều thừa nhận giữa hai bên có quan hệ mượn tiền. Bà T có cho bà H, ông S mượn tiền 02 lần đều lập giấy mượn, lần 01 vào ngày 21/12/2017 số tiền 110.000.00 đồng, hạn 03 tháng sau trả, không thỏa thuận lãi suất, bà H, ông S cùng ký vào giấy; lần 02 vào ngày 31/8/2021 số tiền 6.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, do bà H ký tên vào giấy. Bà H cho rằng đã trả hết tiền nhưng không có gì chứng minh cho trình bày của mình. Ông S không đến tòa án làm việc nhưng việc mượn tiền này được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, lần thứ nhất có chữ ký của ông S, lần thứ hai mượn để trang trải trong gia đình bà H, ông S. Ông C thừa nhận đây là tài sản riêng của bà T cho bị đơn mượn nên không liên quan đến ông C. Về lãi suất: Đối với khoản tiền mượn 6.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi. Đối với khoản tiền mượn 110.000.000 đồng, vì bà H, ông S vi phạm việc thanh toán tiền nên khi hết thời hạn mượn tiền 03 tháng, ông bà phải chịu tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng. Như vậy, yêu cầu tính lãi của bà T trên 110.000.000 đồng từ ngày 22/3/2018 đến ngày xét xử là ngày 16/4/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Thân Thị T, bị đơn bà Hoàng Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Trọng C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 08/4/2025 và ngày 16/4/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Thân Thị T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Thân Thị T số tiền 193.462.000 đồng, gồm: Tiền nợ gốc 02 lần là 116.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc 110.000.000 đồng tính từ ngày 22/3/2018 đến ngày

16/4/2025 là 84 tháng 25 ngày theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 77.462.000 đồng. Không yêu cầu tiền lãi trên số tiền 6.000.000 đồng.

Nộp kèm là 02 Giấy mượn tiền ngày 21/12/2017 và ngày 31/8/2021 bản chính.

[3] Theo Giấy mượn tiền ngày 21/12/2017 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Ngày 21/12/2017 bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn S có mượn của ông Chu Trọng C, bà Thân Thị T số tiền 110.000.000 đồng, hẹn trong 03 tháng kể từ ngày 21/12/2017 đến ngày 21/3/2018 sẽ hoàn trả. Giấy có chữ ký của bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn S.

Theo giấy mượn tiền ngày 31/8/2021 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Bà H có vay bà T 6.000.000 đồng, bà H hứa ngày hôm sau sẽ trả. Ngày ghi giấy là ngày 31/8/2021, có chữ ký của bà H.

[3.1] Bị đơn bà Hoàng Thị H thừa nhận ngày 21/12/2017 và ngày 31/8/2021 có lập Giấy mượn tiền với bà Thân Thị T, nội dung giống như 02 Giấy mượn tiền do bà T cung cấp cho Tòa án. Bà H xác nhận từng có nợ bà T số tiền 116.000.000 đồng như bà T trình bày.

Như vậy, thực tế giữa bà T và bà H, ông S có việc mượn số tiền là 116.000.000 đồng, đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3.2] Xét thấy quá trình tố tụng, mặc dù ông Nguyễn Văn S không đến tòa án làm việc và không có ý kiến gửi đến Tòa án, nhưng căn cứ vào nội dung giấy ghi nợ, cùng với việc bà H thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 21/12/2017 do cả hai vợ chồng bà H, ông S ký tên, số tiền trong Giấy mượn tiền ngày 31/8/2021 là để bà H mua thịt bán lại kiếm tiền lo cho gia đình, như vậy, việc mượn tiền mục đích để phục vụ cho kinh tế gia đình. Từ đó có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà H, ông S theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, do đó, trách nhiệm với số tiền mượn thuộc về cả hai vợ chồng bà H, ông S.

Nguyên đơn bà Thân Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Trọng C trình bày, số tiền bà T cho bà H, ông S mượn là tài sản riêng của bà T.

[3.3] Bà H trình bày bà đã thanh toán hết toàn bộ số tiền trên cho bà T tuy nhiên không có chứng cứ để chứng minh. Bà T trình bày bà H, ông S chưa thanh toán được số tiền nợ là 116.000.000 đồng đối với 02 Giấy mượn tiền. Như vậy bà H, ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bà T. Từ đó có căn cứ xác định, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà H, ông S thanh toán số tiền nợ gốc cho bà T là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Bà T, bà H thừa nhận 02 lần mượn tiền đều không thỏa thuận tính lãi. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất.

Đối với Giấy mượn tiền ngày 31/8/2021 số tiền mượn là 6.000.000 đồng, bà T không yêu cầu bà H, ông S phải trả tiền lãi, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với Giấy mượn tiền ngày 21/12/2017 số tiền mượn là 110.000.000 đồng: Hai bên thừa nhận thời hạn cho vay là 03 tháng từ ngày 21/12/2017 đến ngày 21/3/2018, tuy nhiên, sau khi hết thời hạn, bị đơn không thanh toán được nợ gốc nên bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vì vậy, lãi suất chậm thanh toán sẽ được tính từ ngày tiếp theo của ngày hết hạn trả nợ. Bà T yêu cầu bà H, ông S trả tiền lãi trên nợ gốc 110.000.000 đồng, tính từ ngày 22/3/2018 đến ngày 16/4/2025 là 84 tháng 25 ngày theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 77.462.000 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, bà H, ông S có đơn xin miễn đóng tiền án phí ngày 21/3/2025 với lý do bà H thuộc trường hợp là hộ nghèo được địa phương cấp giấy chứng nhận, ông S thuộc trường hợp là thành viên hộ nghèo được địa phương cấp giấy chứng nhận và là người khuyết tật được địa phương cấp Giấy xác nhận. Theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và Giấy xác nhận khuyết tật do bà H, ông S cung cấp, ông bà thuộc trường hợp quy định tại Điểm đ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy, bà H, ông S được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điểm đ Điều 12, Điều 14, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thân Thị T đối với bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Văn S về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Thân Thị T số tiền 193.462.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng), gồm: Tiền nợ gốc 116.000.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 22/3/2018 đến ngày 16/4/2025 là 77.462.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Văn S được miễn án phí.
- Trả lại cho bà Thân Thị T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 4.679.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004923 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự (4);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung